

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 224/2024/DS-PT
Ngày 21 – 5 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế
Bà Bùi Thị Phương Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 4 và ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn P, sinh năm 1948;

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Lý Văn P:

1. Ông Lâm Đồng K, sinh năm 1966 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lý Thị X, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông ông Lý Văn P: Ông Tăng Tấn L, là Luật sư công tác viên Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Kim H, sinh năm 1954 (Vắng mặt);
2. Ông Lê Việt T, sinh năm 1963 (Vắng mặt);
3. Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trần Kim H, ông Lê Việt T, bà Trần Thị Ú: Ông Lâm Tấn N, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Số B, đường B, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1950

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Ngọc B: Ông Lâm Tấn N, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Số B, đường B, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Vườn Quốc gia M (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

4. Ủy ban nhân dân huyện N.

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N: Ông Nguyễn Minh K1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N (Vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Ông Lý Văn P, là nguyên đơn; Bà Trần Kim H, ông Lê Việt T, là bị đơn; ông Trần Ngọc B, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị :* Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Lý Văn P và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của ông P trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lý Văn D (là cha của ông P) khai phá vào năm 1950; đến năm 1954 ông D chết. Sau đó, mẹ ông P có chồng khác nên ông Lý Văn T1 (là bác ruột ông P) nuôi dưỡng ông P và quản lý phần đất (chiều ngang 34 mét, chiều dài 75 mét). Đến năm 1963, thân tộc có hợp giao phần đất này cho ông P, nhưng do ông P còn nhỏ nên chưa giao. Đến năm 1974, ông T1 mới giao lại phần đất cho ông P quản lý, có chính quyền địa phương chứng kiến. Đến tháng 3/2000 bà H đến cặm trụ đá chiếm phần đất ngang 10 mét, dài 75 mét nên xảy ra tranh chấp, ông P có yêu cầu đến chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết.

Năm 2002, ông P đổ cát đá trên phần đất còn lại ngang 24 mét để xây cất nhà thì bà H, ông T và bà Ú ngăn cản không cho ông P xây cất. Ông P tiếp tục yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã Đ, nhưng không được giải quyết. Đến tháng 04/2011, ông T và bà Ú đổ trụ bê tông để xây cất nhà trên phần đất, ông P ngăn cản và báo Công an xã Đ lập biên bản dừng lại việc xây cất nhà của ông T và bà Ú, chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Sau đó (cũng trong tháng 4/2011) ông T và bà Ú đến phần đất đang tranh chấp nhỏ trụ bê tông đem xuống mé sông ngay phần đất đang tranh chấp để tiếp tục xây cất nhà, ông P tiếp tục báo đến Công an xã Đ để giải quyết và được can ngăn không cho tiếp tục cất nhà nữa chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Khi ông P đến phần đất làm cỏ mồ mã của ông bà nội của ông P thì ông T và bà Ú ngăn cản.

Nay ông P yêu cầu ông bà H, ông T và bà Ú phải trả lại cho ông P phần đất chiều ngang 34 mét, chiều dài một phía là 75 mét và một phía là 50 mét; đất tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Theo ông Lâm Tấn N là người đại diện của bà Trần Kim H, ông Lê Việt T, bà Trần Thị Ú và ông Trần Ngọc B trình bày:

Trước năm 1962, bà Lý Thị G (là mẹ của các bị đơn) đã ở trên phần đất cùng với ông Lý Văn N1 và bà Nguyễn Thị T2 (là cha, mẹ của bà G và ông D), ông Lý Văn T1 (là anh bà G). Đến năm 1962, do chiến tranh nên gia đình bỏ đất, vào rừng sinh sống. Đến khi đất nước giải phóng (30/4/1975), ông T1 cùng với bà T2 đi khai phá đất ở nơi khác sinh sống, còn bà G trở về phần đất đã ở trước đó (phần đất tranh chấp hiện nay) sinh sống cùng các con: Ông Trần Ngọc B, bà Trần Kim H, Trần Kim O và bà Trần Thị Ú đến nay. Trên phần đất này, từ năm 1975 đến năm 1997 bị đơn đã cất nhà ở ổn định và có sửa chữa, cất lại nhiều lần nhưng ông P cũng không ngăn cản. Năm 1997 do bị cơn bão số 5 nên nhà bị sập; đến năm 2000 bị đơn xây cất lại nhà trên phần đất thì ông P ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Đối với phần đất tranh chấp nêu trên, năm 1999 khi Nhà nước làm lộ đi ngang

phần đất các bị đơn đã đóng tiền làm lộ; đồng thời các bị đơn cũng đăng ký kê khai sổ mục kê năm 2006 tại các thửa 51, 52, 53. Do đó, các bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông P.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày:

Phần đất đang tranh chấp theo Bản vẽ hiện trạng ngày 22/12/2022 của Công ty TNHH MTV T3 được đăng ký kê khai đất đai tại thửa 51 tên ông Trần Ngọc B; thửa số 52 tên bà Trần Kim H và thửa 53 tên ông Lê Việt T, tờ bản đồ số 42 được thành lập năm 2006, các thửa đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất ven sông (đất bảo lưu ven sông), hiện tại ông Lê Việt T xây dựng 05 căn phòng trọ (trọ tháng) cho thuê; 01 căn nhà ông Lê Việt T và vợ là bà Trần Thị Ú đang ở (diện tích nhà theo số liệu Bản vẽ hiện trạng của Công ty T3 đo đạc ngày 22/12/2022), qua trao đổi các hộ sống chung thời điểm ông Lê Việt T, thời điểm xây dựng nhà của ông vào khoảng năm 1983, tại thời điểm đó ông T không có xin phép.

Phần đất đang tranh chấp thuộc Vườn Quốc Gia M Cà Mau quản lý theo Quyết định số 142/2023/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Đất Mũi tỉnh Cà Mau thành Vườn Quốc Gia M tỉnh Cà Mau. Đối với diện tích đất 1.551,1m², phần đất có vị trí nêu trên, Ủy ban nhân dân xã K2 Tòa án trong quá trình giải quyết đúng diện tích đất theo quy định (theo Quyết định số 559/QĐ-CTUB ngày 22/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau và ban hành điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch) nằm trong phạm vi 35 mét.

- Ý kiến của Vườn Quốc gia Mũi C trình bày:

Phần đất tranh chấp nằm trong diện tích của Vườn Quốc gia M Cà Mau theo Quyết định số 142/2023/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Đất Mũi thành Vườn Quốc Gia M Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, đối với khu đất này hiện nay thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Đ theo Quyết định số 520-QĐUB ngày 24/10/1995 về việc tạm giao đất xây dựng khu dân cư cho xã Đ, huyện N. Vườn Quốc gia M Cà Mau đề nghị Tòa án căn cứ vào chứng cứ để giải quyết đúng theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn P đối với bà Trần Kim H, bà Trần Thị Ú, ông Lê Việt T phần đất diện tích đất 750,1m²;

Buộc bà Trần Kim H, bà Trần Thị Ú, ông Lê Việt T phải trả lại cho ông Lý Văn P phần đất có vị trí, diện tích M5, M6 = 35,00m; M6,M7 = 22,77m; M7,M8 =

35,00m; M8, M5 = 20,14m, tổng diện tích 750,1m². Tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn P đối với bà Trần Kim H, bà Trần Thị Ú, ông Lê Việt T phần đất diện tích chiều ngang 20m x chiều dài 15m = 300m² (đất ven sông). Tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

(Theo bản vẽ hiện trạng ngày 22/12/2022 của Công ty TNHH MTV T3).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/12/2023, ông Trần Ngọc B, bà Trần Kim H, ông Lê Việt T có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lý Văn P.

Ngày 02/01/2024, ông Lý Văn P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Ú, ông Lê Việt T có nghĩa vụ tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại phần đất diện tích chiều ngang 20m x chiều dài 15m = 300m².

Ngày 02/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển có Quyết định số: 01/QĐ-VKS-DS, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của ông Lý Văn P và người đại diện của bà Trần Kim H, ông Lê Việt T, ông Trần Ngọc B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau thay đổi Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông Khởi phát b: Nguồn gốc đất là của cha ông P (ông D) khai phá giao cho ông T1 (là bác ông P) quản lý; đến năm 1974 ông T1 giao cho ông P quản lý cho đến nay, phần đất có kích thước ngang 34m. Đến năm 2000, bà H lấn chiếm phần đất ngang 10m, còn lại 24m. Việc các bị đơn kê khai phần đất theo sổ mục kê năm 2006 là không đúng quy định pháp luật, vì phần đất đã có phát sinh tranh chấp từ năm 2000. Các bị đơn cung cấp phiếu đóng tiền làm lộ năm 1999 là không đúng, vì thời điểm năm 1999 chưa có chủ trương đóng tiền làm lộ. Thời điểm năm 2002, ông P tiến hành cất nhà trên đất nhưng bị đơn ngăn cản nên ông P có làm đơn thưa đến Ủy ban nhân dân xã Đ nhưng không được giải quyết. Phía bị đơn không có căn cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp là của bị đơn. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét

xử chấp nhận kháng cáo của ông P; không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông T, ông B.

Bà X phát biểu: Thống nhất với ý kiến tranh luận của ông K.

Ông N phát biểu: Phần đất tranh chấp do bị đơn quản lý sử dụng từ năm 1975. Từ năm 1975 đến năm 2000, bị đơn có cất nhà trên đất và sửa chữa lại nhà nhiều lần, bị đơn cũng đóng tiền làm lộ đi ngang phần đất; bị đơn quản lý sử dụng đất thời gian dài nhưng ông P không tranh chấp, đến năm 2000 ông P mới phát sinh tranh chấp. Bị đơn đã đăng ký sổ mục kê đối với phần đất từ năm 2006. Theo Công văn của Ủy ban nhân dân huyện N xác định phần đất tranh chấp thuộc Vườn Quốc gia M Cà Mau quản lý. Như vậy, phần đất tranh chấp thuộc phần đất do Nhà nước quản lý, nhưng bị đơn đang sử dụng, khi nào Nhà nước cần sử dụng thì bị đơn giao trả lại đất cho Nhà nước; phía ông P không có quyền đòi bị đơn trả lại đất do Nhà nước quản lý. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên toà để làm rõ phần đất tranh chấp hiện nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Đ hay Vườn Quốc gia M Cà Mau quản lý, vì ý kiến của Ủy ban với Vườn Quốc gia M chưa thống nhất nhau; hiện nay các hộ sử dụng đất xung quanh phần đất tranh chấp có được cấp quyền sử dụng đất hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Lý Văn P; Kháng cáo của bà Trần Kim H, ông Lê Việt T, ông Trần Ngọc B; Kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại phần đất tranh chấp tại các thửa đất số 51 (đứng tên Trần Ngọc B), 52 (đứng tên Trần Kim H), 53 (đứng tên Lê Việt T), tờ bản đồ số 45 (bản đồ địa chính thành lập năm 2006) và phần đất ven sông; đất tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện N. Theo đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp tại các thửa 51, 52, 53 có diện tích là 750,1m²; đối với phần đất ven sông, nguyên đơn xác định kích thước ngang 20m, dài 30m, diện tích 300m², nhưng phần đất ven sông hiện trạng là đất biên bãi, phần lớn là mặt nước nên cơ quan đo đạc không thực hiện được việc đo đạc để xác định kích thước, diện tích cụ thể.

[2] Về nguồn gốc đất:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng phần tranh chấp có nguồn gốc đất là của cha nguyên đơn (ông Lý Văn D) khai phá vào năm 1950, đến năm 1954 thì ông D chết. Sau đó ông Lý Văn T1 là bác ruột nguyên đơn cùng với ông Lý Văn N1 và bà Nguyễn Thị T2 (là ông, bà nội của nguyên đơn) nuôi dưỡng nguyên đơn và quản lý phần đất (chiều ngang 34 mét, chiều dài 75 mét). Đến năm 1963, thân tộc có họp

giao phần đất này cho nguyên đơn, nhưng do nguyên đơn còn nhỏ nên chưa giao, nên ông T1 quản lý phần đất này, đến năm 1974 mới giao lại cho nguyên đơn quản lý, có chính quyền địa phương chứng kiến.

[2.2] Các bị đơn cho rằng trước năm 1962, bà Lý Thị G (là mẹ của các bị đơn) đã ở trên phần đất cùng với ông Lý Văn N1 và bà Nguyễn Thị T2 (là cha, mẹ của bà G và ông D), ông Lý Văn T1 (là anh bà G). Đến năm 1962, do chiến tranh nên gia đình bỏ đất, vào rừng sinh sống. Đến khi đất nước giải phóng (30/4/1975), ông T1 cùng với bà T2 đi khai phá đất ở nơi khác sinh sống, còn bà G trở về phần đất đã ở trước đó (phần đất tranh chấp hiện nay) sinh sống cùng các con: Ông Trần Ngọc B, bà Trần Kim H, Trần Kim O và bà Trần Thị Ú đến nay.

[2.3] Xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về nguồn gốc đất là không thống nhất với nhau. Qua xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đối với những người chứng kiến, đại diện chính quyền địa phương và những người trong thân tộc đều xác định nguồn gốc đất là của ông Lý Văn D khai phá, chiều ngang 40 mét, chiều dài 75 mét; đến năm 1954 ông D (cha của nguyên đơn) chết, sau đó ông T1 và vợ là bà Trần Thị C về cùng với ông N1 và bà T2 lo nuôi nguyên đơn (lúc này nguyên đơn mới được 06 tuổi), vợ chồng ông T1 quản lý phần đất của ông D chết để lại. Vào năm 1963, vợ chồng của ông T1 kêu bà Lý Thị G (em ông T1, là mẹ của bà Trần Kim H, Trần Thị Ú, Trần Ngọc B) về ở tại phần đất của ông D. Vợ chồng ông T1 với ông N1 và bà T2 có cho bà G phần đất ngang 6 mét đất để ở trong diện tích đất của ông D; thời điểm đó vợ chồng ông T1 có cho ông Lý Văn G1 (là em ông T1) 6 mét đất chiều ngang dưới mé lộ. Sau khi cho đất bà G và ông G1 thì phần đất còn lại chiều ngang 34 mét, chiều dài 75 mét. Đến năm 1974, gia đình ông T1 giao phần đất lại cho ông P quản lý cho đến nay. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nguồn gốc đất do cha của nguyên đơn (ông D) khai phá và việc nguyên đơn quản lý sử dụng đất như trình bày của nguyên đơn và những người được xác minh, đến thời điểm hiện tại nguyên đơn cũng không được đăng ký kê khai đối với phần đất tranh chấp. Đối với bị đơn, hiện tại phần đất ven sông bị đơn đã có xây cất nhà ở; còn lại phần đất tại các thửa 51, 52, 53 bị đơn cho rằng đã có cất nhà ở và sửa chữa cất lại nhiều lần nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh.

[3] Tại Công văn số 549/BC-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ xác định: Đối với phần đất ven sông, hiện tại ông Lê Việt T xây dựng 05 căn phòng trọ (trọ tháng) cho thuê; 01 căn nhà ông Lê Việt T và vợ bà Trần Thị Ú đang ở. Qua trao đổi các hộ sống chung thời điểm ông Lê Việt T, thời điểm xây dựng nhà vào khoảng năm 1983, tại thời điểm đó ông T không có xin phép. Phần đất đang tranh chấp thuộc Vườn Quốc Gia M Cà Mau quản lý theo Quyết định số 142/2023/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ chuyển

khu bảo tồn thiên nhiên Đất Mũi tỉnh Cà Mau thành Vườn Quốc Gia M tỉnh Cà Mau.

[4] Tại Công văn số 419/VQGMCM ngày 02/11/2023 của Vườn Quốc gia M xác định: Phần đất tranh chấp nằm trên diện tích của Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau theo Quyết định số 142/2023/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Đất Mũi thành Vườn Quốc Gia M Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, đối với khu đất này hiện nay thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Đ theo Quyết định số 520-QĐUB ngày 24/10/1995 về việc tạm giao đất xây dựng khu dân cư cho xã Đ, huyện N.

[5] Do ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Đ và Vườn Quốc gia Mũi C không thống nhất nhau, nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N cung cấp thông tin liên quan đến phần đất tranh chấp nêu trên. Tại Công văn số 1310/UBND-NC ngày 16/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện N xác định: Phần đất tranh chấp thuộc các thửa 51, 52, 53 tờ số 42 nêu trên hiện nay thuộc Vườn Quốc gia Mũi C quản lý theo Quyết định số 142/2003/QĐ-TTg ngày 14/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên Đ, tỉnh Cà Mau thành Vườn Quốc gia Mũi C, tỉnh Cà Mau; phần đất tranh chấp không nằm trong quy hoạch hay dự án của địa phương, không được xem xét cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

[6] Do phần đất tranh chấp thuộc Vườn Quốc gia M Cà Mau quản lý, không được xem xét cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn phần đất thuộc Vườn Quốc gia Mũi C quản lý là không có cơ sở để chấp nhận. Bản án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả phần đất ven sông ngang 20m, dài 15m, diện tích 300m² là có căn cứ; đối với phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả diện tích đất theo đo đạc tại các thửa 51, 52, 53, diện tích 750,1m² là không phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông P; chấp nhận kháng cáo của bà H, ông T, ông B, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ.

[7] Đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền được thay đổi tại phiên tòa, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do chưa làm rõ phần đất tranh chấp do cơ quan nào quản lý, có được cấp quyền sử dụng đất cho hộ dân hay không, chưa làm rõ kích thước còn lại của phần đất ven sông, phần đất tranh chấp tại thửa số 51 do ông B đứng tên nhưng không buộc ông B trả lại đất. Xét thấy, do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên việc bản án sơ thẩm không tuyên buộc ông B trả lại đất (thửa 51) cũng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông B cũng như việc thi hành án; còn lại các vấn đề khác đã được cấp sơ thẩm,

phúc thẩm làm rõ có trong hồ sơ. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến tranh luận của đại diện bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp do Nhà nước quản lý, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà đề nghị tạm ngừng phiên toà để thu thập thêm tài liệu chứng cứ là không được chấp nhận.

[10] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn P; chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim H, ông Lê Việt T, ông Trần Ngọc B; không chấp nhận kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[11] Về chi phí tố tụng: Do sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của ông P nên ông P phải chịu.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P được miễn chịu án phí; các bị đơn không phải chịu.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông P được miễn chịu án phí; Bà H, ông T, ông B không phải chịu án phí.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn P.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim H, ông Lê Việt T, ông Trần Ngọc B.

Không chấp nhận kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn P về việc buộc bà Trần Kim H, bà Trần Thị Ú, ông Lê Việt T phải trả lại cho ông Lý Văn P phần đất theo đo đạc thuộc các thửa 51, 52, 53 tờ bản đồ số 42 (bản đồ thành lập năm 2006) diện tích 750,1m² và phần đất ven sông diện tích 300m² (chiều ngang 20m, chiều dài 15m), đất tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 22/12/2022 của Công ty TNHH MTV T3).

- Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản 36.289.000 đồng ông P phải chịu, ông P đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim H, bà Trần Thị Ú, ông Lê Việt T không phải chịu án phí. Ông Lý Văn P được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Văn P được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp). Bà H, ông T, ông B không phải chịu án phí (được miễn dự nộp).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập